

# ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS nắm vững một số nội dung phần Tiếng Việt đã học ở học kì I.

## II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài ôn tập này chỉ yêu cầu HS ôn lại những kiến thức và kĩ năng mới được học ở học kì I và chưa được ôn trong phần *Tổng kết về từ vựng*: *phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại, cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp*. Nhiều nội dung khác, tuy được học ở học kì I, nhưng đã được ôn trong phần *Tổng kết về từ vựng* như *sự phát triển của từ vựng, thuật ngữ, trau dồi vốn từ* không được đề cập đến trong bài này.

## III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

### Hoạt động 1

*Bước 1.* GV hướng dẫn HS ôn lại nội dung các phương châm hội thoại đã học.

*Bước 2.* Yêu cầu HS kể một tình huống giao tiếp mà trong đó một hoặc một số phương châm hội thoại không được tuân thủ.

GV có thể chọn kể một trong số ba truyện cười sau đây để bổ sung thêm và yêu cầu HS phân tích phương châm hội thoại đã không được tuân thủ như thế nào.

Truyện thứ nhất :

*Trong giờ Vật lí, thầy giáo hỏi một học sinh đang mải nhìn qua cửa sổ :*

*– Em cho thầy biết sóng là gì ?*

*Học sinh :*

*– Thưa thầy, "Sóng" là bài thơ của Xuân Quỳnh ạ !*

Truyện thứ hai :

*Khoảng 10 giờ tối, ông bác sĩ nhận được cú điện thoại của một khách quen ở vùng quê.*

*Ông khách nói, giọng hoảng hốt :*

*– Thưa bác sĩ, thằng bé nhà tôi nuốt cây bút bi của tôi rồi. Bây giờ biết làm thế nào ? Xin bác sĩ đến ngay cho.*

*– Tôi lên đường ngay. Nhưng mưa to gió lớn thế này, đường vào làng ông lại lầy lội, phải một tiếng rưỡi nữa tôi mới đến nơi được.*

*– Thế trong khi chờ bác sĩ đến, tôi biết làm thế nào ?*

*– Ông chịu khó dùng tạm bút chì vậy.*

Truyện thứ ba :

### NÓI CÓ ĐẦU CÓ ĐUÔI

*Một lão chủ dận anh đầy tớ :*

*– Mày ăn nói cộc lốc, người ta cười cả tao. Từ rày về sau, hễ nói gì thì phải nói có đầu có đuôi, nghe chưa !*

*Một hôm, lão ăn mặc chỉnh tề, ngồi hút thuốc. Anh đầy tớ chột chấp tay, thưa :*

*– Bấm ông...*

*– Cái gì ? – Lão chủ hỏi.*

*– Bấm ông, con tằm nó ăn lá dâu...*

*– Nghĩa là làm sao ?*

*– Bấm ông, con tằm nó ăn lá dâu, nó nhả ra tơ. Người ta mang ra chợ bán. Người Trung Quốc mua tơ đem về kéo sợi, dệt thành the, rồi mang the sang bán cho ta. Ông mua the về may áo. Hôm nay, ông mặc áo vào, rồi ông ngồi hút thuốc...*

– Thế thì sao ?

– Vâng, con xin nói ngay đây ạ : Tàn thuốc rơi vào áo ông. Áo ông đang cháy đấy ạ !

Lão chủ giật mình nhìn xuống thì áo đã cháy một miếng to bằng bàn tay rồi.

(Truyện cười dân gian Việt Nam)

## Hoạt động 2

*Bước 1.* GV cho HS ôn lại các từ ngữ xưng hô thông dụng trong tiếng Việt và cách dùng của chúng.

*Bước 2.* Hướng dẫn HS phân tích phương châm xưng hô cơ bản trong tiếng Việt : xưng thì khiêm, hô thì tôn. Phương châm này có nghĩa là : khi xưng hô, người nói tự xưng mình một cách khiêm nhường và gọi người đối thoại một cách tôn kính. Cần lưu ý đây không chỉ là phương châm xưng hô riêng trong tiếng Việt mà còn là phương châm xưng hô trong nhiều ngôn ngữ phương Đông, nhất là trong tiếng Hán, tiếng Nhật, tiếng Triều Tiên.

Riêng đối với tiếng Việt thì trong các từ ngữ xưng hô thời trước, phương châm này được thể hiện rõ hơn so với hiện nay.

Những từ ngữ xưng hô thể hiện rõ phương châm trên như :

+ Những từ ngữ xưng hô thời trước : *bệ hạ* (từ dùng để gọi vua, khi nói với vua, tỏ ý tôn kính), *bần tăng* (nhà sư nghèo – từ nhà sư thời trước dùng để tự xưng một cách khiêm tốn), *bần sĩ* (kẻ sĩ nghèo – từ kẻ sĩ thời trước dùng để tự xưng mình một cách khiêm tốn),...

+ Những từ ngữ xưng hô hiện nay : *quý ông, quý anh, quý bà, quý cô*,...(từ dùng để gọi người đối thoại, tỏ ý lịch sự, tôn kính). Trong nhiều trường hợp, mặc dù người nói bằng tuổi hoặc thậm chí lớn hơn người nghe, nhưng người nói vẫn xưng là *em* và gọi người nghe là *anh* hoặc *bác* (gọi thay con). Đó là biểu hiện của phương châm xưng hô thì khiêm, hô thì tôn. Cách chị Dậu xưng hô với cai lệ lúc chị van nài hãn tha cho chồng mình cũng vậy.

*Bước 3.* Hướng dẫn HS thảo luận vấn đề : Vì sao trong tiếng Việt, khi giao tiếp người nói phải hết sức chú ý đến sự lựa chọn từ ngữ xưng hô ?

Cần vận dụng kiến thức đã học trong bài *Xưng hô trong hội thoại* để giải quyết vấn đề này. Trong tiếng Việt, để xưng hô, có thể dùng không chỉ các đại từ xưng hô, mà còn có thể dùng các danh từ chỉ quan hệ thân thuộc, danh từ chỉ chức vụ, nghề nghiệp, tên riêng,... Mỗi phương tiện xưng hô đều thể hiện tính chất của tình huống giao tiếp (thân mật hay xã giao) và mối quan hệ giữa người

nói với người nghe : (thân hay sơ, khinh hay trọng,...). Hầu như không có từ ngữ xưng hô trung hoà. Vì thế, nếu không chú ý để lựa chọn được từ ngữ xưng hô thích hợp với tình huống và quan hệ thì người nói sẽ không đạt được kết quả giao tiếp như mong muốn, thậm chí trong nhiều trường hợp, giao tiếp không tiến triển được nữa.

### Hoạt động 3

*Bước 1.* GV cho HS ôn lại sự phân biệt giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

*Bước 2.* Hướng dẫn HS đọc đoạn trích, sau đó chuyển lời đối thoại trong đoạn trích thành lời dẫn gián tiếp và phân tích những thay đổi về từ ngữ trong lời dẫn gián tiếp so với lời đối thoại.

Có thể chuyển như sau :

*Vua Quang Trung hỏi Nguyễn Thiếp là quân Thanh sang đánh, nếu nhà vua đem binh ra chống cự thì khả năng thắng hay thua như thế nào.*

*Nguyễn Thiếp trả lời rằng bấy giờ trong nước trống không, lòng người tan rã, quân Thanh ở xa tới, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ thế nên đánh nên giữ ra sao, vua Quang Trung ra Bắc không quá mười ngày quân Thanh sẽ bị dẹp tan.*

Những thay đổi từ ngữ đáng chú ý :

|                  | Trong lời đối thoại   | Trong lời dẫn gián tiếp  |
|------------------|---|--|
| Từ xưng hô       | <i>tôi</i> (ngôi thứ nhất)<br><i>chúa công</i> (ngôi thứ hai) | <i>nhà vua</i> (ngôi thứ ba)<br><i>vua Quang Trung</i> (ngôi thứ ba) |
| Từ chỉ địa điểm  | <i>đây</i>  | (tính lược)  |
| Từ chỉ thời gian | <i>bây giờ</i>  | <i>bấy giờ</i>   |